TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN SƠN TRÀ - TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **87**/2020/QĐST-HNGĐ	*Sơn Trà, ngày 26 tháng 5 năm 2020.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ – THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 83/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con"* gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình: Ông **Nguyễn Minh K**, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện N, tỉnh Đ và bà **Võ Thị Kim N**, sinh năm 1979. Địa chỉ: Tổ 29, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Nguyễn Minh K và bà Võ Thị Kim N kết hôn với nhau năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Nại Hiên Đông, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn thì hai vợ chồng sống xa nhau nên tình cảm không còn, tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mặc dù gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không có kết quả. Nay ông Nguyễn Minh K và bà Võ Thị Kim N xác định về tình cảm vợ chồng không còn thương yêu nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận sự thuận tình ly hôn.

[2] Về nuôi con chung: Ông Nguyễn Minh K và bà Võ Thị Kim N xác định có 01 con chung là Nguyễn Võ Minh N, sinh ngày 03/7/2017. Ly hôn ông Nguyễn Minh K và bà Võ Thị Kim N thống nhất thỏa thuận giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông K có nghĩa vụ cấp

dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) kể từ tháng 5/2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Minh K và bà Võ Thị Kim N xác định vợ chồng không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Ông Nguyễn Minh K và bà Võ Thị Kim N xác định không có nợ chung.

Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng ông Nguyễn Minh K và bà Võ Thị Kim N mỗi người phải chịu 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, theo biên lai thu số 0006009 ngày 28/4/2020.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Minh K và bà Võ Thị Kim N (Do công nhận thuận tình ly hôn giữa ông K và bà N nên Giấy chứng nhận kết hôn số 81/2015, Quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân phường Nại Hiên Đông, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 23/6/2015 không còn giá trị pháp lý).

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Nguyễn Minh K và bà Võ Thị Kim N về việc nuôi con chung như sau:

Giao con chung Nguyễn Võ Minh N, sinh ngày 03/7/2017 cho bà Võ Thị Kim N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Minh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) kể từ tháng 5/2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Cả hai bên đương sự đều được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Minh K và bà Võ Thị Kim N xác định vợ chồng không có tài sản chung.

- Về các vấn đề khác: Ông Nguyễn Minh K và bà Võ Thị Kim N xác định không có nợ chung.

2. Về Lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng ông Nguyễn Minh K và bà Võ Thị Kim N mỗi người phải chịu 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, theo biên lai thu số 0006009 ngày 28/4/2020.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND phường Nại Hiên Đông, quận Sơn Trà;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Hồ Thị Mỹ Dung